

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2016**

**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Giấy CNĐKKD số : Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 20/12/2016, thay đổi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.
- Vốn điều lệ : 340.000.000.000đ
- Vốn đầu tư của CSH : 340.000.000.000đ
- Địa chỉ : Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại : 04.35730073
- Số fax : 04.35730088
- Website : www.ivs.vn/www.ivs.com.vn
- Mã cổ phiếu : IVS

***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam trước là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được thành lập vào ngày 28 tháng 08 năm 2007 tại Quyết định số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Quyết định số 311/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu CTCP Chứng khoán VNS (nay là CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam) với mã cổ phiếu IVS.

Thông báo số 551/TB-SGDHN ngày 25/07/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần Chứng khoán VNS, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại sàn HNX từ ngày 01/08/2011.

Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 27/09/2011, Công ty đổi tên từ CTCP Chứng khoán VNS thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.

Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 20/12/2016, thay đổi vốn điều lệ Công ty từ 161 tỷ đồng lên 340 tỷ đồng.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau:

1. Môi giới chứng khoán.
2. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
3. Tụ doanh chứng khoán.
4. Lưu ký chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh: Hội sở chính: Hà Nội và Chi nhánh: Hồ Chí Minh.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị:

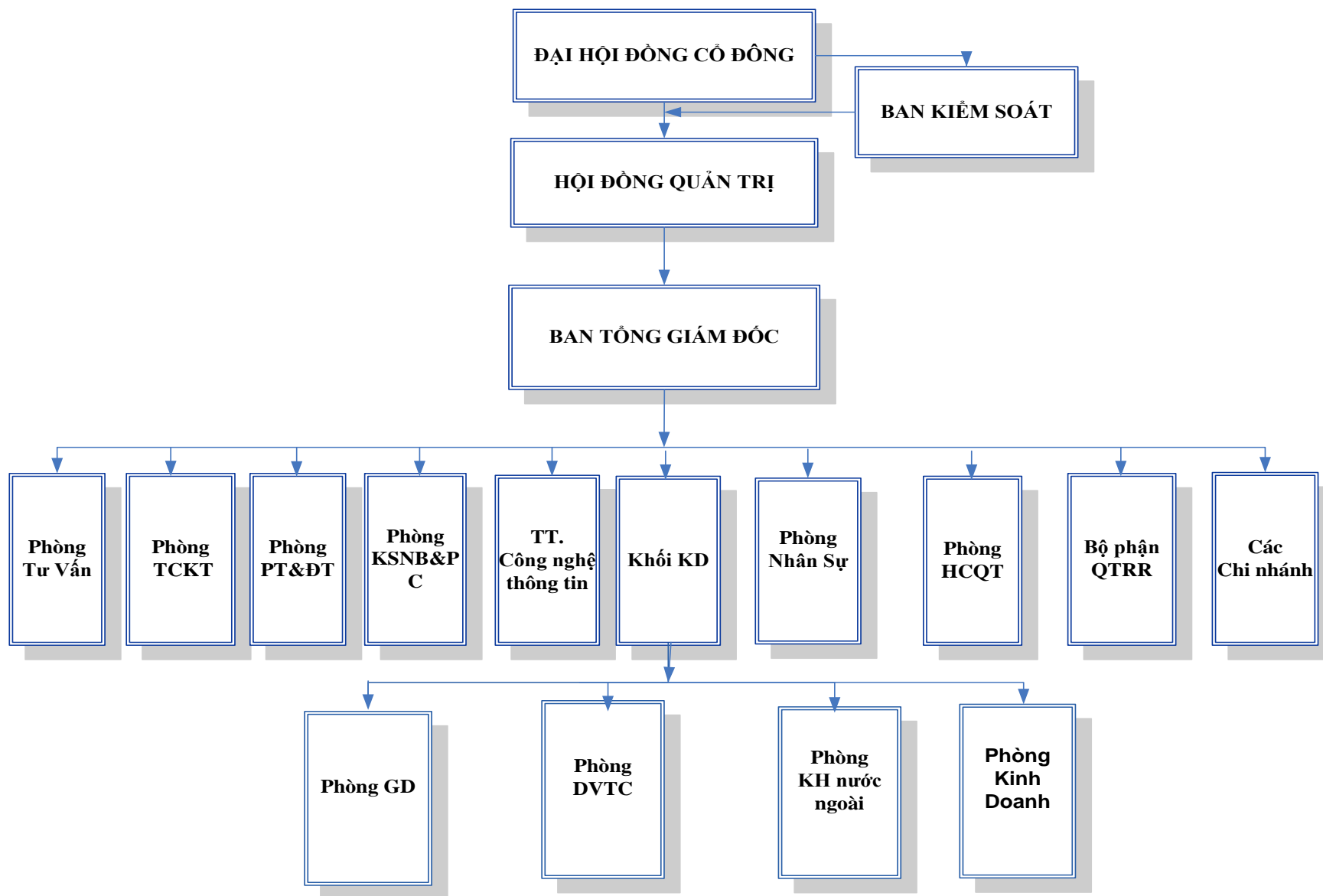
## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

---

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; Ban giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ:

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.  
Đại hội đồng cổ đông được tổ chức mỗi năm 01 lần theo Luật Doanh nghiệp và tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có).
  2. Ban kiểm soát (BKS): là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra để đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty theo Quy định của Pháp luật hiện hành.
  3. Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
  4. Ban giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành. Ban giám đốc chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước HĐQT và BKS, ĐHĐCĐ và pháp luật về toàn bộ hoạt động điều hành Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành một số lĩnh vực hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc.



#### **4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu năm 2016:

- + Tập trung phát triển hoạt động môi giới và các sản phẩm tiện ích;
- + Phát triển khách hàng tổ chức và cá nhân nước ngoài
- + Nâng cao tiềm lực tài chính;
- + Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin;
- + Thực hiện đầy đủ nguyên tắc kiểm soát và quản trị rủi ro.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam.
- + Mở rộng và phát triển mạng lưới trên toàn quốc và ra thị trường nước ngoài đặc biệt là khu vực Châu Á.
- + Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chuyên nghiệp đội ngũ cán bộ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tham gia xây dựng hình ảnh Công ty văn minh, lịch sự; CBNV thân thiện hòa đồng. Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục...; các chương trình thể thao, ca nhạc của ngành...

#### **5. Các rủi ro:**

Năm 2016 kinh tế Việt Nam được coi là điểm sáng thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Trong năm 2016 những điểm mạnh có thể giúp cho nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng vững chắc là: (1) thị trường nội địa và nội khối ASEAN; (2) Nguồn lực lớn cùng xu hướng dịch chuyển của các Doanh nghiệp FDI; (3) hàng loạt các hiệp định thương mại FTA khác Việt Nam đã ký kết như với EU, EAEU...; (4) Chính phủ Việt Nam hướng tới mục tiêu là trở thành một Chính phủ kiến tạo và phục vụ thay vì điều hành nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính.

TTCK năm 2016 có bước tiến đáng kể, chỉ số VN-Index tăng khoảng 15% trong năm 2016 và là năm tăng trưởng tích cực nhất. Chỉ số này đã thiết lập mức điểm cao nhất kể từ năm 2008 khi chạm đến mốc 692,17 điểm vào ngày 29/09/2016. Trong khi đó, sàn HNX-Index không có nhiều biến động nếu xét theo năm nhưng tính từ mức đáy 72,15 điểm so với đỉnh 88 điểm chỉ số này cũng tăng trưởng 22%. Có rất nhiều cổ phiếu tăng giá mạnh trong năm 2016 vừa qua với mức tăng từ 100% - 300%.

Trên cơ sở đánh giá một cách tổng quan, IVS nhận thấy các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**- Rủi ro chiến lược:**

Là rủi ro liên quan đến công tác hoạch định, xây dựng và thực hiện các chiến lược của IVS. Rủi ro chiến lược không chỉ ảnh hưởng ngắn hạn đến hoạt động của Công ty và còn ảnh lớn đến sự tồn tại của IVS vì vậy HĐQT và Ban giám đốc luôn bám sát những diễn biến của thị trường chứng khoán, biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, tình hình chính trị... để từ đó có được quyết sách phù hợp, có được sự điều chỉnh quy mô công ty phù hợp với quy mô của thị trường đảm bảo an toàn cho Công ty.

**- Rủi ro hoạt động:**

Đây là những rủi ro được sinh ra do các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác. Rủi ro này bao gồm cả những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro này IVS đã thực hiện đầy đủ các nguyên tắc về kiểm soát rủi ro, quản trị rủi ro. Bên cạnh đó IVS chú trọng vào đầu tư công nghệ hiện đại, phần mềm giao dịch tiên tiến có độ an toàn cao, giao dịch online... Mặt khác đào tạo nâng cao nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho CBNV, tuân thủ nghiêm các quy trình đã được ban hành... Vì vậy trong năm 2016 IVS đã không để xảy ra rủi ro nào nghiêm trọng.

**- Rủi ro tín dụng:**

Là rủi ro mà CTCK có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Trong tình hình hiện tại thì giao dịch ký quỹ vẫn được coi là một công cụ cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc đua giành thị phần môi giới vì vậy việc tuân thủ quy trình giao dịch ký quỹ, cập nhật danh sách danh mục, theo dõi và đôn đốc thu nợ là một biện pháp hữu hiệu để quản lý rủi ro này.

**- Rủi ro thanh toán:**

Đó là việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày. Rủi ro này phát sinh là do Công ty cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà chưa đặt nặng yêu cầu quản trị rủi ro cũng như việc cân đối nguồn tiền thực tế để thanh toán.

Năm 2016 với tiềm lực tài chính cộng thêm với sự tuân thủ và thận trọng IVS đảm bảo không phát sinh rủi ro về thanh toán, tài khoản của khách hàng được tạo điều kiện đối đa trong giao dịch...

**- Rủi ro thanh khoản của thị trường:**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

Khi thanh khoản của thị trường biến động bất thường và đột ngột sẽ ảnh hưởng đến Công ty chứng khoán đặc biệt là các nghiệp vụ tự doanh, ký quỹ và các dịch vụ hỗ trợ tài chính khác.

Có thể thấy rủi ro thị trường là rủi ro biến động, không loại bỏ hoàn toàn vì vậy để kiểm soát tốt rủi ro này IVS đã chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự phân tích chuyên nghiệp về phân tích, về dự báo, về đánh giá...nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

## **- Rủi ro tuân thủ:**

Là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của Công ty. Các biện pháp đảm bảo thực hiện tốt rủi ro tuân thủ là: cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật mới, đào tạo hướng dẫn. Tiếp đến tuân thủ đúng các bước, trình tự trong các quy trình nghiệp vụ, phân định rõ trách nhiệm của từng bộ phận. Tiếp đến ứng dụng tối đa công nghệ thông tin sẽ hạn chế tối đa rủi ro có thể.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2016**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Cùng với những khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, trong năm 2016 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng toàn thể CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tiếp tục nỗ lực xây dựng và khẳng định thương hiệu IVS trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2016 IVS đã đạt được những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực sau:

1.1. Trước tiên phải kể đến sự thành công của IVS trong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 161 tỷ lên 340 tỷ.

Với số vốn trên IVS sẽ thực hiện thêm nghiệp vụ mới là bảo lãnh phát hành, mở rộng quy mô cho vay ký quỹ, phát triển đầu tư tự doanh và nâng cấp công nghệ thông tin. Đồng thời với sự ủng hộ của các đối tác chiến lược mới IVS tự tin tiếp tục thâm nhập và khai thác mạnh vào thị trường Trung Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản.

1.2. Hoạt động môi giới và phân tích đầu tư:

Hoạt động môi giới IVS trong năm 2016 diễn ra rất sôi động và khả quan. IVS vẫn duy trì được lượng khách hàng lớn, khách hàng thân thiết trong nhiều năm qua thông qua việc thực hiện nhiều giải pháp: chính sách chăm sóc khách hàng; sản phẩm dịch vụ đa dạng, ưu đãi; nguồn vốn đảm bảo; đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tình. Tính đến ngày 31/12/2016 IVS đạt gần 25 nghìn tài khoản bao gồm nhiều tổ chức doanh nghiệp lớn.

Một lĩnh vực quan trọng khác của IVS năm 2016 là ưu tiên phát triển khách hàng Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Năm 2016 IVS đã tổ chức tiếp đón, hội thảo và ra mắt nhiều đoàn NĐT là doanh nghiệp, doanh nhân lớn Trung Quốc đại lục – là cổ đông chiến lược của IVS: Tập đoàn Tài chính Puban –Trung Quốc; Tập đoàn Nhật Phát Hàng Châu; Lãnh đạo tỉnh Chiết Giang Sinvo Group; Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Triết Giang – Trung Quốc.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

Song song với việc giữ các khách hàng truyền thống, IVS từng bước đi theo hướng Quản lý tài sản cho các tổ chức niêm yết và OTC. Cung cấp các sản phẩm roadshow cho Doanh nghiệp, từng bước đưa khách hàng về giao dịch tại công ty.

Trong năm, Ban giám đốc IVS đã có chuyến thăm Đất Nước Nhật Bản, để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, tìm các con đường đi trước đón đầu xu hướng thị trường, kết quả là ngày 17/02/2017 IVS và Công ty cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI) đã có ký kết thỏa thuận hợp tác mở ra các hướng đi mới cho công ty về phát triển khách hàng Nhật Bản.

Thị phần khách hàng nội địa hiện nay của IVS có nhiều hạn chế, IVS xác định được lợi thế của mình là việc phát triển khách hàng Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

Ngoài ra, Công tác quản trị rủi ro luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và các cơ quan quản lý.

### **1.3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp:**

Hoàn thiện các hợp đồng đã ký với SCIC, thu hồi công nợ còn tồn đọng. Tổ chức triển khai phương án bán đấu giá các hợp đồng SCIC theo phương thức án hiệu quả, tiết kiệm. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn trong năm đạt gần 2 tỷ đồng.

### **1.4. Hoạt động tự doanh:**

Cuối năm 2016, IVS mới hoàn thành việc tăng vốn vì vậy hoạt động đầu tư tự doanh còn ở mức khiêm tốn. Doanh thu tự doanh chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của IVS.

### **1.5. Hoạt động tài chính kế toán:**

Hoạt động tài chính kế toán đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của công tác tài chính kế toán theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty. Thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh trong toàn Công ty theo đúng kế hoạch và định mức chi phí đã được phê duyệt, kịp thời có những đề xuất kiến nghị và tham mưu theo hướng cắt giảm chi phí trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2016.

### **1.6. Hoạt động công nghệ thông tin:**

Công nghệ thông tin được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công của IVS. Công ty đã phối hợp với nhà cung cấp phần mềm Hàn Quốc đưa ra nhiều tính năng ưu việt nhằm hỗ trợ tối đa Nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư đến từ Trung Quốc. IVS đã phát triển các phần mềm iMobile, iPro, iWeb đa ngôn ngữ gồm tiếng: Việt, Trung, Anh, Hàn giúp Nhà đầu tư trong và ngoài nước hiện thực hóa lợi nhuận của mình.

IVS đã kết hợp với Công ty Vietstock xây dựng website, trang Công cụ Đầu tư hiện đại, đa ngôn ngữ gồm tiếng: Việt, Trung, Anh, nhằm phân tích và cung cấp dữ liệu doanh nghiệp một cách nhanh và chính xác nhất.

## **2. Kết quả kinh doanh:**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Đã điều chỉnh)	Thực hiện	%
1	Tổng Doanh thu	27,250,000,000	25,890,540,154	95%
2	Tổng Chi phí	24,550,000,000	25,722,201,760	105%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,160,000,000	97,431,048	5%

Các chỉ tiêu tài chính năm 2016 của IVS đều giảm so với năm 2015. Cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng (%)
1	Tổng tài sản	230,566,080,099	346,387,571,607	33.44%
2	Vốn chủ sở hữu	168,195,580,495	342,436,163,074	55.88%
3	Vốn điều lệ	161,000,000,000	340,000,000,000	52.65%
4	Doanh thu thuần	307.884.57.518	25,890,540,154	-18.92%
5	Lợi nhuận trước thuế	6,892,699,291	168,338,394	-3934.55%
6	Lợi nhuận sau thuế	5,396,498,299	97,431,048	-5438.79%
7	EPS (đồng/cổ phiếu)	335	3	-11066.67%
8	Giá trị sổ sách (đồng)	10,447	10,072	-3.73%

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.1- Danh sách Ban điều hành:**

Ông Đoàn Ngọc Hoàn	- Tổng giám đốc
Ông Bùi Quang Kỳ	- Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Thế Lợi	- Phó Tổng giám đốc

### **+ Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Tổng giám đốc:**

- Họ và tên:	Đoàn Ngọc Hoàn
- Giới tính:	Nam
- Chức vụ hiện tại:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Ngày sinh:	19/04/1974
- Địa chỉ thường trú:	19 Lô 6, ĐTM Trung Yên, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà nội
- Số CMND/Hộ chiếu:	012636462 Ngày cấp 24/10/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

- Quá trình công tác:

- \* Từ năm 1995 - 2000 Phó trưởng phòng Kế toán, Trưởng phòng Điện toán Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
  - \* Từ năm 2000 – T5/2007 Phó Trưởng Ban thông tin Tổng hợp, Trưởng phòng Thông tin và CNTT, Giám đốc Trung tâm Thông tin và CNTT Công ty Tài chính Dầu Khí PVFC
  - \* Từ T6/2007 - nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.500.000 cổ phần

### **+ Ông Bùi Quang Kỳ – Phó Tổng giám đốc:**

- Họ và tên: Bùi Quang Kỳ
- Giới tính: Nam
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Ngày sinh: 02/02/1972
- Địa chỉ thường trú: Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình
- Số CMND/Hộ chiếu: 0150929871 Ngày cấp: 18/12/2009 Nơi cấp CA Thái Bình
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - \* Từ năm T6/1998 –T12/2004 Nhân viên Kế toán, Kế toán trưởng từ tháng 9/2001 Công ty Hecnytransportion
  - \* Từ T1/2005 – T1/2007 Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại sản xuất thiết bị và máy tính
  - \* Từ T1/2007 – T12/2009 Phó phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ kiêm Quyền trưởng ban Kiểm soát Nội bộ Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
  - \* Từ T1/2010-T2/2011 Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
  - \* Từ T3/2011-T3/2016 Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
  - \* Từ T3/2016- đến nay Phó Tổng Giám đốc
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không

### **+ Ông Đinh Thế Lợi – Phó Tổng giám đốc:**

- Họ và tên: Đinh Thế Lợi
- Giới tính: Nam
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

- Ngày sinh: 21/08/1980
- Địa chỉ thường trú: Phòng 402, Nhà N1, Khu 7,2ha Vĩnh Phúc, Ba Đình Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 100720160, Ngày cấp: 05/07/2007, Nơi cấp: Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
  - \* Từ năm 2009 – 2010 Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương
  - \* Từ năm 2010 - 2013 Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
  - \* Từ năm 2013 - 2015 Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
  - \* Từ năm 2015 - 2016 Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh
  - \* Từ T8/2016 - T11/2016 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM
  - \* Từ T12/2016 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không

### 2.2- Những thay đổi trong ban điều hành:

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Đối tượng	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm	Số CCHN của người có CCHN cuối năm
Ban Giám đốc	4/4			4/4	4
Bộ phận môi giới	6/12	4/5	4/4	6/11	6
Bộ phận tự doanh	6/6			6/6	6
Bộ phận bảo lãnh phát hành					
Bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán	6/6	1/1	1/1	6/6	6
Bộ phận khác	2/11	1/2	2/2	3/11	3
Tổng số	24/39	6/8	7/7	25/38	25

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

Trong năm 2016 IVS đã thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho người lao động. Và để đạt được kết quả kinh doanh của năm 2016 IVS cũng đã xây dựng cơ chế lương gắn với kết quả kinh doanh nhằm tạo động lực phát triển cho mỗi CBNV.

Bên cạnh đó các hoạt động dã ngoại, nghỉ hè, du xuân đều được IVS tổ chức đều đặn hàng năm, coi đây là cơ hội để CBNV có thể tái tạo sức lao động, đoàn kết, gắn bó.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

b) Các công ty liên kết:

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	230,566,080,099	346,387,571,607	33.44%
Doanh thu thuần	30,788,457,518	25,890,540,154	-18.92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6,790,415,328	143,660,572	-4626.71%
Lợi nhuận khác	102,283,963	24,677,822	-314.48%
Lợi nhuận trước thuế	6,892,699,291	168,338,394	-3994.55%
Lợi nhuận sau thuế	5,396,498,299	97,431,048	-5438.79%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.88	25	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.28	25	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	27%	1.14%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	37%	1.15%	

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	13.4%	7.55%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.75%	0.38%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3.20%	0.03%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.30%	0.03%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.21%	0.56%	
.....			

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: 34.000.000 (Ba mươi tư triệu) cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/03/2017 (do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp):

Stt	Cổ đông	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>17.449.750</b>	<b>51.32%</b>
1	Cá nhân	10.997.080	32.34%
2	Tổ chức	6.452.670	18.98%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>16.550.250</b>	<b>48.68%</b>
1	Cá nhân	16.550.250	48.68%
2	Tổ chức		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>34.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
1. Vốn đầu tư CSH	161.000.000.000	179.000.000.000		340.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần				
3. Vốn CSH khác				

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

4. Cổ phiếu quỹ				
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản				
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
7. Quỹ đầu tư phát triển	899.541.098	269.824.915		1.169.366.013
8. Quỹ dự phòng tài chính	899.541.098	269.824.915		1.169.366.013
9. Các quỹ khác thuộc vốn CSH				
10. Lợi nhuận chưa phân phối	5.396.498.299	97.431.048	5.396.498.299	97.431.048

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

6.3. Tiêu thụ nước:

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: đến ngày 31/12/2016 IVS có 38 người, mức lương bình quân là: 9.050.000đ/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: tuân thủ số giờ lao động/ngày và số ngày làm việc/tuần. CBNV nữ được nghỉ các chế độ trước và sau thai sản. Chế độ nghỉ mát, vui chơi được chú trọng....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho CBNV mới.

- Nâng cao kỹ năng, giao tiếp ứng xử cho CBNV.

- Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Tham gia các khóa tập huấn, hội thảo của UBCK, Sở GDCK và các lớp nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

- Tham gia hỗ trợ các đoàn thể tại địa phương.
- Tham gia các phong trào của ngành.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### ***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:***

Cùng với những khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, trong năm 2016 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng toàn thể CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tiếp tục nỗ lực xây dựng và khẳng định thương hiệu IVS trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2016 IVS đã đạt được những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực sau:

*1. Trước tiên phải kể đến sự thành công của IVS trong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 161 tỷ lên 340 tỷ.*

Với số vốn trên IVS sẽ thực hiện thêm nghiệp vụ mới là bảo lãnh phát hành, mở rộng quy mô cho vay ký quỹ, phát triển đầu tư tự doanh và nâng cấp công nghệ thông tin. Đồng thời với sự ủng hộ của các đối tác chiến lược mới IVS tự tin tiếp tục thâm nhập và khai thác mạnh vào thị trường Trung Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản.

#### *2. Hoạt động môi giới và phân tích đầu tư:*

Hoạt động môi giới IVS trong năm 2016 diễn ra rất sôi động và khả quan. IVS vẫn duy trì được lượng khách hàng lớn, khách hàng thân thiết trong nhiều năm qua thông qua việc thực hiện nhiều giải pháp: chính sách chăm sóc khách hàng; sản phẩm dịch vụ đa dạng, ưu đãi; nguồn vốn đảm bảo; đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tình. Tính đến ngày 31/12/2016 IVS đạt gần 25 nghìn tài khoản bao gồm nhiều tổ chức doanh nghiệp lớn.

Một lĩnh vực quan trọng khác của IVS năm 2016 là ưu tiên phát triển khách hàng Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Năm 2016 IVS đã tổ chức tiếp đón, hội thảo và ra mắt nhiều đoàn NĐT là doanh nghiệp, doanh nhân lớn Trung Quốc đại lục – là cổ đông chiến lược của IVS: Tập đoàn Tài chính Puban – Trung Quốc; Tập đoàn Nhật Phát Hàng Châu; Lãnh đạo tỉnh Chiết Giang Sinvo Group; Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Triết Giang – Trung Quốc.

Song song với việc giữ các khách hàng truyền thống, IVS từng bước đi theo hướng Quản lý tài sản cho các tổ chức niêm yết và OTC. Cung cấp các sản phẩm roadshow cho Doanh nghiệp, từng bước đưa khách hàng về giao dịch tại công ty.

Trong năm, Ban giám đốc IVS đã có chuyến làm việc tại Nhật Bản, để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, tìm các con đường đi trước đón đầu xu hướng thị trường, kết quả là ngày 17/02/2017 IVS và Công ty cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI) đã có ký kết thỏa thuận hợp tác mở ra các hướng đi mới cho công ty về phát triển khách hàng Nhật Bản.

Thị phần khách hàng nội địa hiện nay của IVS có nhiều hạn chế, IVS xác định được lợi thế của mình là việc phát triển khách hàng Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

Ngoài ra, Công tác quản trị rủi ro luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và các cơ quan quản lý.

#### *3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp:*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

Hoàn thiện các hợp đồng đã ký với SCIC, thu hồi công nợ còn tồn đọng. Tổ chức triển khai phương án bán đấu giá các hợp đồng SCIC theo phương thức án hiệu quả, tiết kiệm. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn trong năm đạt gần 2 tỷ đồng.

### **4. Hoạt động tự doanh:**

Cuối năm 2016, IVS mới hoàn thành việc tăng vốn vì vậy hoạt động đầu tư tự doanh còn ở mức khiêm tốn. Doanh thu tự doanh chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của IVS.

### **5. Hoạt động tài chính kế toán:**

Hoạt động tài chính kế toán đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của công tác tài chính kế toán theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty. Thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh trong toàn Công ty theo đúng kế hoạch và định mức chi phí đã được phê duyệt, kịp thời có những đề xuất kiến nghị và tham mưu theo hướng cắt giảm chi phí trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2016.

### **6. Hoạt động công nghệ thông tin:**

Công nghệ thông tin được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công của IVS. Công ty đã phối hợp với nhà cung cấp phần mềm Hàn Quốc đưa ra nhiều tính năng ưu việt nhằm hỗ trợ tối đa Nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư đến từ Trung Quốc. IVS đã phát triển các phần mềm iMobile, iPro, iWeb đa ngôn ngữ gồm tiếng: Việt, Trung, Anh, Hàn giúp Nhà đầu tư trong và ngoài nước hiện thực hóa lợi nhuận của mình.

IVS đã kết hợp với Công ty Vietstock xây dựng website, trang Công cụ Đầu tư hiện đại, đa ngôn ngữ gồm tiếng: Việt, Trung, Anh, nhằm phân tích và cung cấp dữ liệu doanh nghiệp một cách nhanh và chính xác nhất.

## **2. Tình hình tài sản:**

Cuối năm 2016 Tổng tài sản của IVS là 346.3tỷ đồng, tăng 33.4% so với năm 2015. Mức tăng này là do trong năm 2016 IVS đã phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 161 tỷ đồng lên 340 tỷ đồng.

Tình hình vay và nợ phải trả: Hiện không có các khoản vay và nợ phải trả là khoản thanh toán bù trừ cho 02 Sở.

Chênh lệch tỷ giá: không ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Trong năm 2016 IVS duy trì ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý; tập trung và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên môn nghiệp vụ.

Trong năm 2016 yêu cầu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả giám sát mọi mặt hoạt động.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Tập trung phát triển hoạt động môi giới và các dịch vụ tiện ích.
- Ưu tiên phát triển khách hàng nước ngoài: Trung Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản.
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư tự doanh sau khi tăng vốn.
- Nâng cao tiềm lực tài chính, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin..



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

- Thực hiện đầy đủ nguyên tắc kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hoạt động giao dịch: Hoạt động môi giới IVS vẫn tiếp tục phát triển theo chiều sâu, tập trung vào nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao.

IVS chú trọng phát triển các dịch vụ gia tăng cho khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận tối đa các công cụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2016 cùng với các giải pháp tích cực của thị trường, IVS cũng đã ban hành những chính sách môi giới phù hợp để thu hút khách hàng, thu hút nhân lực có tiềm năng gia tăng doanh thu môi giới.

Tính đến ngày 31/12/2016, số lượng tài khoản đạt gần 25 nghìn tài khoản bao gồm nhiều tổ chức doanh nghiệp lớn.

Trong năm 2016 mọi giao dịch chứng khoán với khách hàng đều được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên đảm bảo có tư cách, đạo đức nghề nghiệp tốt, tuân thủ đúng các nguyên tắc về giao dịch chứng khoán. Luôn đảm bảo về mặt số lương, thời gian.. với các đợt triển khai, test hệ thống của các Sở và Trung tâm lưu ký.

- Hoạt động đầu tư: IVS thực hiện đầu tư trên cơ sở thận trọng, hiệu quả. Đối với mỗi hoạt động tư đều được đánh giá và xin ý kiến của HĐQT trên cơ sở đã phân tích, đánh giá đầy đủ các thông tin liên quan.

- Hoạt động kinh doanh nguồn vốn: Nguồn vốn luôn được tập trung đảm bảo đầy đủ nhu cầu của Công ty. IVS luôn chú trọng phân tích các ngân hàng tiềm lực, thực hiện theo đúng quy trình để đảm bảo an toàn vốn. Công tác kiểm soát nội bộ được tăng cường để đảm bảo an toàn, hợp lệ từ khâu thỏa thuận, lập hợp đồng, gửi tiền đi, nhận tiền về và lưu trữ hợp đồng, chứng từ.

- Hoạt động tư vấn: IVS vẫn là khách hàng lớn của Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước SCIC. IVS được khách hàng đánh giá cao chất lượng dịch vụ cũng như thái độ, phong cách chuyên nghiệp.

- Hoạt động đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin: CNTT được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công của IVS. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư hiện đại, đội ngũ cán bộ chuyên sâu luôn đảm bảo cho hệ thống giao dịch toàn Công ty luôn thông suốt, có khả năng xử lý mọi tình huống phát sinh và hạn chế, ngăn chặn được các lỗi phát sinh.

- Hoạt động tài chính kế toán: Hoạt động tài chính kế toán đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính của công tác tài chính kế toán theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty. Thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh trong toàn Công ty theo đúng kế hoạch và định mức chi phí đã được phê duyệt, kịp thời có những đề xuất kiến nghị và tham mưu.

- Hoạt động công bố thông tin: IVS là công ty niêm yết vì vậy hoạt động công bố thông tin luôn kịp thời, đảm bảo tính minh bạch, phản ánh trung thực, đầy đủ các thông tin liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty theo quy định.

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

---

- Hoạt động Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro: đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong toàn bộ mọi hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra các đề xuất cần thiết nhằm hạn chế rủi ro phát sinh trong từng hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tiền và chứng khoán cho các nhà đầu tư.

- Hoạt động truyền thông: Thông qua hoạt động truyền thông, thương hiệu chứng khoán IVS ngày nay tiếp tục được khách hàng biết đến như là một thương hiệu Công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam. Mặc dù hoạt động kinh doanh trong năm không thuận lợi nhưng Công ty vẫn tiếp tục duy trì và củng cố mối quan hệ với báo chí - truyền hình như đăng bài; thực hiện phóng sự; đăng ảnh, tin trên các đầu báo có lượng phát hành lớn; giữ mối quan hệ tốt với các phóng viên, báo, đài và hoạt động PR ngày càng chuyên nghiệp hơn trong các việc tổ chức các sự kiện lớn của Công ty. Trong năm hoạt động PR của Công ty đã chú trọng hơn đến các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm củng cố và tạo môi trường làm việc lành mạnh, gắn kết hơn giữa CBNV và Công ty.

- Hoạt động Chi nhánh IVS Hồ Chí Minh:

Thị trường khó khăn, IVS Hồ Chí Minh dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc Hội sở đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng gọn nhẹ, năng động. Bên cạnh đó có những chính sách ưu tiên cho Chi nhánh phát triển, thu hút khách hàng lớn. Vì vậy năm 2016 Chi nhánh đã hoàn thành được kế hoạch năm.

## ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.***

Ban giám đốc của Công ty đã có những chỉ đạo, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty một cách sát sao, kịp thời và đúng đắn. Ban giám đốc đã có những báo cáo kịp thời về tình hình kinh doanh của Công ty để HĐQT có những thay đổi trong chiến lược kinh doanh phù hợp với thực tế của thị trường.

## ***3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Triển khai các phương án đồng bộ để sử dụng nguồn vốn sau phát hành hiệu quả và tăng trưởng.
- Tập trung nguồn lực phát triển một số hạng mục tạo thanh khoản và doanh thu cho Công ty.
- Sáp nhập Công ty Chứng khoán Nhật Bản vào IVS nhằm đa dạng khách hàng, tăng tiềm lực tài chính và kêu gọi đầu tư.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.**

### ***1. Hội đồng quản trị***

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị:

- |                        |                     |
|------------------------|---------------------|
| 1. Ông Nguyễn Duy Toại | - Chủ tịch HĐQT     |
| 2. Ông Đoàn Ngọc Hoàn  | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Xiang Qing Song | - Phó chủ tịch HĐQT |
| 4. Ông Lê Văn Minh     | - Thành viên HĐQT   |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 5. Ông Hoàng Đức Hiền  | - Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Nguyễn Duy Thao | - Thành viên HĐQT |
| 7. Ông Wang Shao Hua   | - Thành viên HĐQT |
| 8. Ông Chen Bin        | - Thành viên HĐQT |
| 9. Ông Liu He Li       | - Thành viên HĐQT |

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu:

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	1.019.500	2.99%
2	Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.500.000	4.41%
3	Ông Liu He Li	Thành viên HĐQT	1.500.000	4.41%
4	Ông Xiang Qing Song	Phó chủ tịch HĐQT	1.200.000	3.53%
5	Ông Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	479.400	1.41%
6	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	300.000	0.88%
7	Ông Chen Bin	Thành viên HĐQT	300.000	0.88%
8	Ông Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	0	0
9	Ông Wang Shao Hua	Thành viên HĐQT	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro bao gồm Ông Hoàng Đức Hiền – Trưởng tiểu ban Quản trị rủi ro. Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Thành viên. Ông Nguyễn Hữu Bình – Thành viên.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

<b>Stt</b>	<b>Số Quyết định, Nghị quyết</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	01/2016/QĐ- HĐQT.IVS	04/01/2016	Quy chế lương năm 2016
2	02/2016/QĐ- HĐQT.IVS	22/01/2016	Thông qua các nội dung và chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
3	03/2016/QĐ- HĐQT.IVS	01/04/2016	Sửa đổi điều lệ Công ty năm 2016
4	04/2016/QĐ- HĐQT.IVS	07/04/2016	Mua cổ phần của Công ty quản lý quỹ Bông Sen
5	05/2016/QĐ- HĐQT.IVS	09/05/2016	Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
6	06/2016/QĐ- HĐQT.IVS	25/06/2016	Phân công công việc trong Ban giám đốc
7	07/2016/QĐ- HĐQT.IVS	05/07/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
8	08/2016/QĐ- HĐQT.IVS	09/08/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
9	09/2016/QĐ- HĐQT.IVS	10/08/2016	Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn nhà đầu tư chiến lược
10	10/2016/QĐ- HĐQT.IVS	26/10/2016	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2016
11	11/2016/QĐ- HĐQT.IVS	26/10/2016	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12	12/2016/QĐ- HĐQT.IVS	01/11/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
13	13/2016/QĐ- HĐQT.IVS	01/11/2016	Thành lập Phòng Nguồn vốn và cho vay ký quỹ
14	14/2016/QĐ- HĐQT.IVS	01/11/2016	Bổ nhiệm cán bộ
15	15/2016/QĐ- HĐQT.IVS	04/11/2016	Quyết định đầu tư tự doanh
16	16/2016/QĐ- HĐQT.IVS	18/11/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
17	17/2016/QĐ- HĐQT.IVS	18/11/2016	Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18	18/2016/QĐ- HĐQT.IVS	25/11/2016	Quyết định đầu tư tự doanh

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hiện HĐQT có 06 thành viên độc lập không điều hành là:

Ông Lê Văn Minh	- Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Đức Hiền	- Thành viên HĐQT
Ông Wang Shao Hua	- Thành viên HĐQT
Ông Xiang Qing Song	- Thành viên HĐQT
Ông Chen Bin	- Thành viên HĐQT
Ông Liu He Li	- Thành viên HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro được thành lập ban giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng và giám sát hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

### **2. Ban Kiểm soát**

a) Ban kiểm soát:

Ông Trần Công Văn	- Trưởng ban
Bà Lã Thị Hương	- Thành viên
Bà Lê Thị Huệ	- Thành viên

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Trần Công Văn	Trưởng ban	0	0
2	Bà Lã Thị Hương	Thành viên	0	0
3	Bà Lê Thị Huệ	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2016 Ban kiểm soát đã tổ chức định kỳ hàng quý, đột xuất theo vụ việc và theo giấy mời của HĐQT để tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra tính tuân thủ, hợp pháp trong quản lý điều hành của Ban giám đốc, lãnh đạo các Khối/phòng/ban.
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định, văn bản của HĐQT và Ban giám đốc của phù hợp với Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cũng như các văn bản hướng dẫn riêng.
- Thẩm định báo cáo tài chính Quý/Năm.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS**

- Kiểm tra nội dung và thời hạn của việc Công bố thông tin.
- Kiểm tra trình tự giải quyết các thắc mắc của khách hàng...

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2016/BB-BKS-IVS	05/03/2016	Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
2	02/2016/BB-BKS-IVS	10/07/2016	Đánh giá báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016
3	03/2016/BB-BKS-IVS	05/10/2016	Đánh giá tình hình hoạt động của IVS trong Quý III năm 2016
4	03/2016/BB-BKS-IVS	28/12/2016	Tổng kết tình hình hoạt động IVS trong năm 2016

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Trong năm 2016 các khoản thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đều thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	
2	Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	5.000.000	
3	Ông Xiang Qing Song	Phó chủ tịch HĐQT	5.000.000	
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	5.000.000	
5	Ông Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	5.000.000	
6	Ông Nguyễn Duy Thao	Thành viên HĐQT	5.000.000	
7	Ông Wang Shao Hua	Thành viên HĐQT	5.000.000	

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM -IVS

8	Ông Chen Bin	Thành viên HĐQT	5.000.000	
9	Ông Liu He Li	Thành viên HĐQT	5.000.000	
10	Ông Trần Công Văn	Trưởng ban kiểm soát	4.000.000	
11	Bà Lã Thị Hương	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000	
12	Bà Lê Thị Huệ	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

St t	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

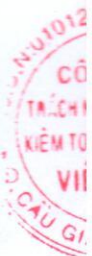
Trong Báo cáo kiểm toán độc lập Số: 103-17/BC-TC/IV-VAE ngày 14 tháng 03 năm 2017 do Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam phát hành, mục "Ý kiến kiểm toán" nêu: " Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán"

### 2. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán (đính kèm)



Đoàn Ngọc Hoàn

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016





## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán đầu tư Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Duy Toại	Chủ tịch
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Minh	Thành viên
Ông Hoàng Đức Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Thao	Thành viên
Ông Xiang Qing Song	Thành viên
Ông Wang Shao Hua	Thành viên
Ông Liu He Li	Thành viên
Ông Chen Bin	Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Thế Lợi	Phó Tổng giám đốc
Bà Dương Thu Hà	Giám đốc tài chính

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*  
**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**



**Đoàn Ngọc Hoàn**  
**Tổng giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017*

Số: *103* -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/02/2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
(tiếp theo)

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



**Phạm Ngọc Toàn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Kim Trinh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2013-034-1

Mẫu số B01-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	Đơn vị tính: VND 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)</b>	<b>100</b>		<b>295.380.626.898</b>	<b>122.639.974.688</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>290.787.070.137</b>	<b>115.262.191.716</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.	96.902.086.590	7.674.802.834
1.1. Tiền	111.1		66.902.086.590	7.674.802.834
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		30.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	42.820.311.563	23.684.416.155
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.2	50.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	V.3.3	80.528.762.514	67.180.672.102
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.3.4	(342.971.951)	(40.112.482)
8. Trả trước cho người bán	118		147.632.700	-
9. Phải thu các dịch vụ CT chứng khoán cung cấp	119		1.749.521.587	1.069.412.705
12. Các khoản phải thu khác	122	V.4.	20.585.030.751	16.778.556.730
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.7.	(1.603.303.617)	(1.085.556.328)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>4.593.556.761</b>	<b>7.377.782.972</b>
1. Tạm ứng	131		3.306.488.512	2.442.306.313
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5.	268.153.317	345.236.599
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		10.000.000	10.000.000
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		11.825.174	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		997.089.758	4.580.240.060
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>51.006.944.709</b>	<b>50.730.187.343</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
2. Các khoản đầu tư	212		36.000.000.000	36.000.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		36.000.000.000	36.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.540.808.889</b>	<b>9.979.288.427</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	1.709.100.289	2.349.717.474
- Nguyên giá	222		11.452.716.740	12.332.131.411
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(9.743.616.451)	(9.982.413.937)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	3.831.708.600	7.629.570.953
- Nguyên giá	228		28.437.300.000	29.220.496.930
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(24.605.591.400)	(21.590.925.977)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>4.222.400.000</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>5.243.735.820</b>	<b>4.750.898.916</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		466.050.000	431.300.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5.	279.459.802	394.857.145
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.6.	4.498.226.018	3.924.741.771
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>346.387.571.607</b>	<b>173.370.162.031</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B01-CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>3.951.408.533</b>	<b>5.174.581.536</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.951.408.533</b>	<b>5.174.581.536</b>
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	199.599
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.17.	426.511.422	437.795.230
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		78.500.000	78.500.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.15.	264.807.133	1.655.729.073
11. Phải trả người lao động	323		371.222.500	351.502.038
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		360.145.040	358.750.577
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.16.	426.787.512	447.416.120
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		263.500.459	239.074.752
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.18.	1.664.346.244	1.536.874.393
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		95.588.223	68.739.754
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>342.436.163.074</b>	<b>168.195.580.495</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>342.436.163.074</b>	<b>168.195.580.495</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		<b>340.000.000.000</b>	<b>161.000.000.000</b>
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		340.000.000.000	161.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		340.000.000.000	161.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.169.366.013	899.541.098
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.169.366.013	899.541.098
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.20.	97.431.048	5.396.498.299
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		97.431.048	5.396.498.299
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>346.387.571.607</b>	<b>173.370.162.031</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết</b>			<b>42.854.311.563</b>	<b>22.169.390.000</b>
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		34.000.000	16.100.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	V.10.	819.911.563	53.290.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán	012	V.11.	42.000.400.000	22.100.000.000
<b>B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		119.554.715	84.879.180
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	V.12.	117.842.470	83.055.990
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2	V.12.	20.500	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4	V.12.	856.684	39.215
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	V.12.	835.061	1.783.975
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.13.	10.637.742	11.174.448
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		10.637.742	11.174.448
7. Tiền gửi của khách hàng	026	V.14.	48.301.526.448	57.195.918.068
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		48.301.526.448	57.195.918.068
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.19.	48.301.526.448	57.195.918.068
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		43.474.064.415	37.673.177.105
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		4.827.462.033	19.522.740.963

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Lan



Nguyễn Thị Hồng



Đoàn Ngọc Hoàn

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			1.872.265.498	1.573.144.601
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	1.356.362.688	972.824.421
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.2	515.902.810	600.320.180
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.1.2	7.693.647.925	10.741.356.469
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		8.424.514.317	8.947.026.607
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		1.792.409.093	3.101.819.869
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		545.130.298	418.079.351
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.3	2.671.235.314	4.490.859.720
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>22.999.202.445</b>	<b>29.272.286.617</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		428.076.549	166.770.096
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1.1	125.217.080	166.770.096
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		302.859.469	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24	VI.3	(2.252.711)	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VI.3	7.026.358.571	8.470.807.986
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.3	838.746.050	601.162.711
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.3	900.292.251	485.995.721
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.1.4	1.602.520.764	1.510.662.927
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>10.793.741.474</b>	<b>11.235.399.441</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.2.	2.866.659.887	1.516.170.901
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>2.866.659.887</b>	<b>1.516.170.901</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -&gt; 55)</b>	<b>60</b>		-	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4.	14.928.460.286	12.761.592.242
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ( 70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		143.660.572	6.791.465.835
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.5.	24.677.822	102.283.963
Cộng kết quả hoạt động khác ( 80 = 71 - 72)	80		24.677.822	102.283.963
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ ( 90 = 70 + 80)	90		168.338.394	6.893.749.798
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		168.338.394	6.893.749.798
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		70.907.346	1.496.200.992
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.6.	70.907.346	1.496.200.992
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		97.431.048	5.397.548.806
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		3	335
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		3	335
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

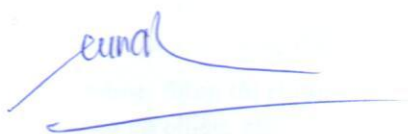
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Lan



Nguyễn Thị Hồng




Đoàn Ngọc Hoàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		168.338.394	6.893.749.798
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		2.486.836.409	3.384.430.649
- Khấu hao tài sản cố định	03		4.532.889.538	4.651.787.710
- Các khoản dự phòng	04		820.606.758	248.813.840
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(2.866.659.887)	(1.516.170.901)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(86.147.740.934)	(934.517.686)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	31		(19.135.895.408)	83.889.675
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(50.000.000.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(13.348.090.412)	8.050.168.016
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(680.108.882)	-
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		(3.806.474.021)	(1.916.351.311)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(864.182.199)	(808.452.000)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(20.628.608)	(76.912.126)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		192.480.625	117.920.664
- Thuế TNDN đã nộp	43		(1.382.073.940)	(1.819.545.239)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(158.916.508)	(895.989.267)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		1.394.463	13.113.584
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(91.580.520)	(200.455.784)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		19.720.462	302.871.706
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		151.897.558	(2.898.242.928)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		3.582.950.703	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(608.234.247)	(886.532.676)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(83.492.566.131)</b>	<b>9.343.662.761</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(4.316.810.000)	(438.882.400)
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		2.866.659.887	1.516.170.901
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(1.450.150.113)</b>	<b>1.077.288.501</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		179.000.000.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(4.830.000.000)	(11.270.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>174.170.000.000</b>	<b>(11.270.000.000)</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)</b>	<b>90</b>		<b>89.227.283.756</b>	<b>(849.048.738)</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(tiếp theo)

<b>V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>	<b>7.674.802.834</b>	<b>8.523.851.572</b>
- Tiền	102	7.674.802.834	8.523.851.572
- Các khoản tương đương tiền	102.1	-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102.3	-	-
<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>	<b>96.902.086.590</b>	<b>7.674.802.834</b>
- Tiền	104	66.902.086.590	7.674.802.834
- Các khoản tương đương tiền	104.1	30.000.000.000	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104.4	-	-

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.437.940.540.800	2.771.311.054.600
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.647.670.267.100)	(2.716.189.408.700)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		200.835.334.680	(56.267.576.940)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>(8.894.391.620)</i>	<i>(1.145.931.040)</i>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>57.195.918.068</b>	<b>58.341.849.108</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		57.195.918.068	58.341.849.108
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		57.195.918.068	58.341.849.108
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>48.301.526.448</b>	<b>57.195.918.068</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		48.301.526.448	57.195.918.068
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		48.301.526.448	57.195.918.068

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Hồng

Đoàn Ngọc Hoàn

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2015		Năm 2016			
		01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000	-	-	-	-	161.000.000.000	340.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		161.000.000.000	161.000.000.000	-	-	179.000.000.000	-	161.000.000.000	340.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		271.963.694	899.541.098	627.577.404	-	269.824.915	-	899.541.098	1.169.366.013
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		271.963.694	899.541.098	627.577.404	-	269.824.915	-	899.541.098	1.169.366.013
8. Lợi nhuận chưa phân phối		12.551.548.079	5.396.498.299	5.396.498.299	12.551.548.079	97.431.048	5.396.498.299	5.396.498.299	97.431.048
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		12.551.548.079	5.396.498.299	5.396.498.299	12.551.548.079	97.431.048	5.396.498.299	5.396.498.299	97.431.048
<b>Cộng</b>		<b>174.095.475.467</b>	<b>168.195.580.495</b>	<b>6.651.653.107</b>	<b>12.551.548.079</b>	<b>637.080.878</b>	<b>5.396.498.299</b>	<b>168.195.580.495</b>	<b>342.436.163.074</b>

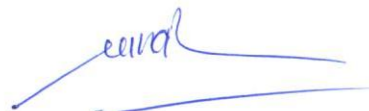
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Đoàn Ngọc Hoàn

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007. Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp thì vốn điều lệ của Công ty là **340.000.000.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là IVS.

Điều lệ Công ty chứng khoán ban hành ngày 28/08/2007 và sửa đổi, bổ sung vào các ngày 27/09/2011 và 20/12/2016.

#### Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tụ doanh chứng khoán./.

#### 3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tụ doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Mẫu số B09 - CTCK

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
  - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

### 4. Cấu trúc Công ty chứng khoán

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là đơn vị hạch toán báo sổ*

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh  
Địa chỉ: tầng 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, Phường 6 - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

#### *Áp dụng hướng dẫn kế toán*

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán Công ty chứng khoán và ngày 27/12/2016 ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 (Thông tư 334) "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

### 3. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.



Mẫu số B09 - CTCK

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

##### 2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty

*Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL):*

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phải được phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

##### 2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

*Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):*

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

Mẫu số B09 - CTCK

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.
- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

### 2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi vốn trong một chu kỳ kinh doanh hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh, không bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo đã được tính vào chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.

### 2.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu của nhà đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên Hợp đồng cho vay margin, Hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán và các chứng từ giao dịch thực tế.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Máy móc thiết bị	02 – 05
- Phương tiện vận tải	04 – 07
- Tài sản cố định khác	03 – 08

### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC..

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Phần mềm máy tính	05 - 08

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư này được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn.

### 5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án mua sắm phát triển phần mềm giao dịch chứng khoán và hệ thống phần mềm đi kèm được ghi nhận theo cơ sở giá gốc.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và chi phí khác liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thường xuyên và chi phí viễn thông của Hộ sở và Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

### 9. Nguyên tắc kế toán các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Mẫu số B09 - CTCK

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

- Thu nhập từ bán các tài sản tài chính tự doanh được xác định trên cơ sở khoản chênh giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính tự doanh; chênh lệch do đánh giá lại tài sản cuối kỳ kế toán phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư 210.

- Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,
- Doanh thu cho thuê, sử dụng tài sản.

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

### ***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định trên cơ sở mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

### ***Tiền lãi***

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích.

### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Mẫu số B09 - CTCK

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### 13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### Các nghĩa vụ về thuế

##### Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

### V. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	66.902.086.590	7.674.802.834
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	66.864.704.422	7.651.169.580
Tiền mặt tại quỹ	37.382.168	23.633.254
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>96.902.086.590</b>	<b>7.674.802.834</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán ( Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
a) Khối lượng giao dịch của Công ty	1.141.544	15.031.524.300
- Cổ phiếu	1.141.544	15.031.524.300
b) Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư	379.277.535	5.062.350.417.900
- Cổ phiếu	379.277.535	5.062.350.417.900

**3. Các loại tài sản tài chính**

**3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính niêm yết</b>	<b>819.911.563</b>	<b>482.779.630</b>	<b>1.584.416.155</b>	<b>1.565.555.000</b>
VNP	525.000.000	220.000.000	525.000.000	525.000.000
Tài sản tài chính khác	294.911.563	262.779.630	1.059.416.155	1.040.555.000
<b>Tài sản tài chính chưa niêm yết (*)</b>	<b>42.000.400.000</b>	<b>42.000.400.000</b>	<b>22.100.000.000</b>	<b>22.100.000.000</b>
BM-CP	9.600.000.000	9.600.000.000	9.600.000.000	9.600.000.000
KN	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
TAV	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
BTN	10.700.000.000	10.700.000.000	-	-
YTAD	9.200.400.000	9.200.400.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.820.311.563</b>	<b>42.483.179.630</b>	<b>23.684.416.155</b>	<b>23.665.555.000</b>

(\*): Các tài sản tài chính này hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không có giao dịch trên thị trường.

**3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>

**3.3 Các khoản cho vay và phải thu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	75.586.657.887	75.586.657.887	49.727.073.451	49.727.073.451
Hoạt động ứng trước tiền bán cho khách hàng	4.942.104.627	4.942.104.627	17.453.598.651	17.453.598.651
<b>Cộng</b>	<b>80.528.762.514</b>	<b>80.528.762.514</b>	<b>67.180.672.102</b>	<b>67.180.672.102</b>

(\*): Giá trị các khoản cho vay và ứng trước tiền bán cho khách hàng hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không thị trường không có công cụ để đánh giá lại.

Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3.3 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

STT	Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng (cổ phiếu)	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay		
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính FVTPL</b>	<b>1.854.514</b>	<b>42.668.635.681</b>	<b>42.325.663.730</b>	<b>(342.971.951)</b>	<b>(40.112.482)</b>	<b>(302.859.469)</b>
	<i>Các tài sản tài chính niêm yết</i>	<i>81.514</i>	<i>668.235.681</i>	<i>325.263.730</i>	<i>(342.971.951)</i>	<i>(40.112.482)</i>	<i>(302.859.469)</i>
1	VNP	50.000	525.000.000	220.000.000	(305.000.000)	-	(305.000.000)
2	Các tài sản tài chính khác	31.514	143.235.681	105.263.730	(37.971.951)	(40.112.482)	2.140.531
	<i>Các tài sản tài chính chưa niêm yết (*)</i>	<i>1.773.000</i>	<i>42.000.400.000</i>	<i>42.000.400.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1	BM-CP	400.000	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-	-
2	KN	650.000	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-	-
3	TAV	600.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-
4	BTN	85.600	10.700.000.000	10.700.000.000	-	-	-
5	YTAD	37.400	9.200.400.000	9.200.400.000	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản tài chính HTM</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
<b>III</b>	<b>Tài sản tài chính cho vay</b>		<b>80.528.762.514</b>	<b>80.528.762.514</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cho vay hoạt động Margin		75.586.657.887	75.586.657.887	-	-	-
2	Hoạt động ứng trước tiền bán cho khách hàng		4.942.104.627	4.942.104.627	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.854.514</b>	<b>173.197.398.195</b>	<b>172.854.426.244</b>	<b>(342.971.951)</b>	<b>(40.112.482)</b>	<b>(302.859.469)</b>

(\*): Các tài sản tài chính này hiện được xác định theo giá trị ghi sổ của Công ty do không có giao dịch trên thị trường.



Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chứng khoán	342.971.951	40.112.482
<b>Cộng</b>	<b>342.971.951</b>	<b>40.112.482</b>

**4. Các khoản phải thu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.749.521.587	1.069.412.705
Các khoản phải thu khác	20.585.030.751	16.778.556.730
<b>Cộng</b>	<b>22.334.552.338</b>	<b>17.847.969.435</b>

**5. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>268.153.317</i>	<i>345.236.599</i>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.919.305	35.785.217
Chi phí thuê văn phòng	55.737.500	44.860.000
Chi phí khác	197.496.512	264.591.382
<i>b) Dài hạn</i>	<i>279.459.802</i>	<i>394.857.145</i>
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hồ Chí Minh	-	794.327
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	238.209.719	256.125.112
Chi phí khác	41.250.083	137.937.706
<b>Cộng</b>	<b>547.613.119</b>	<b>740.093.744</b>

**6. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.907.263.366	2.575.547.924
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.470.962.652	1.229.193.847
<b>Cộng</b>	<b>4.498.226.018</b>	<b>3.924.741.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

Đơn vị tính: VND

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	31/12/2016				01/01/2016
				Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
1	TK 1352	62.710.405		62.710.405	-	-	62.710.405	62.710.405
	Phải thu khác của nhà đầu tư	62.710.405		62.710.405	-	-	62.710.405	62.710.405
2	TK 1314	66.532.700		66.532.700	-	-	66.532.700	66.532.700
	Công ty TNHH Bảo Bình	16.311.700		16.311.700	-	-	16.311.700	16.311.700
	Công ty Thương mại Lạc Hồng	12.420.000		12.420.000	-	-	12.420.000	12.420.000
	Công ty Cổ phần SIC	2.970.000		2.970.000	-	-	2.970.000	2.970.000
	Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Sự kiện	16.436.800		16.436.800	-	-	16.436.800	16.436.800
	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thành Phát	18.394.200		18.394.200	-	-	18.394.200	18.394.200
3	TK 1311	729.676.000		699.676.000	30.000.000	-	729.676.000	699.676.000
	Công ty Cổ phần Vàng Toàn Cầu	167.676.000		167.676.000	-	-	167.676.000	167.676.000
	Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư thế giới vàng	462.000.000		462.000.000	-	-	462.000.000	462.000.000
	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Phương Bắc	100.000.000		70.000.000	30.000.000	-	100.000.000	70.000.000
4	TK 1388	1.321.472.425		256.637.223	490.000.000	2.252.711	744.384.512	256.637.223
<b>Cộng</b>		<b>2.180.391.530</b>		<b>1.085.556.328</b>	<b>520.000.000</b>	<b>2.252.711</b>	<b>1.603.303.617</b>	<b>1.085.556.328</b>

Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2016	8.153.684.573	3.235.494.600	942.952.238	12.332.131.411
Mua trong năm	94.410.000	-	-	94.410.000
Giảm khác (*)	(973.824.671)	-	-	(973.824.671)
Số dư ngày 31/12/2016	7.274.269.902	3.235.494.600	942.952.238	11.452.716.740
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2016	7.467.773.817	1.571.687.882	942.952.238	9.982.413.937
Khấu hao trong năm	272.813.681	462.213.504	-	735.027.185
Giảm khác (*)	(973.824.671)	-	-	(973.824.671)
Số dư ngày 31/12/2016	6.766.762.827	2.033.901.386	942.952.238	9.743.616.451
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	685.910.756	1.663.806.718	-	2.349.717.474
Tại ngày 31/12/2016	507.507.075	1.201.593.214	-	1.709.100.289

(\*) Giảm khác: hủy các tài sản cố định đã khấu hao hết và không cần dùng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.878.802.340 đồng.

**9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	29.220.496.930	29.220.496.930
Giảm khác (*)	(783.196.930)	(783.196.930)
Số dư ngày 31/12/2016	28.437.300.000	28.437.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	21.590.925.977	21.590.925.977
Khấu hao trong năm	3.797.862.353	3.797.862.353
Giảm khác	(783.196.930)	(783.196.930)
Số dư ngày 31/12/2016	24.605.591.400	24.605.591.400
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2016	7.629.570.953	7.629.570.953
Tại ngày 31/12/2016	3.831.708.600	3.831.708.600

(\*) Giảm khác: hủy phần mềm đã khấu hao hết và không cần dùng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 453.000.000 đồng.

**10. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán**

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính	VND	VND
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	819.911.563	53.290.000

**11. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán**

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính	VND	VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết	42.000.400.000	22.100.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư		
	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính	Chứng khoán	Chứng khoán
1. Tài sản tài chính tự do chuyển nhượng	117.842.470	83.055.990
2. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	20.500	-
4. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	856.684	39.215
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	835.061	1.783.975
13. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		
	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính	Chứng khoán	Chứng khoán
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	10.637.742	11.174.448
14. Tiền gửi của Nhà đầu tư		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	48.301.526.448	57.195.918.068
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	43.474.064.415	37.673.177.105
1.2 Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	4.827.462.033	19.522.740.963
<b>Cộng</b>	<b>48.301.526.448</b>	<b>57.195.918.068</b>
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	53.598.201	117.648.882
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.299.341.420
Thuế Thu nhập cá nhân	211.208.932	238.738.771
<b>Cộng</b>	<b>264.807.133</b>	<b>1.655.729.073</b>
16. Chi phí phải trả		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thường xuyên	389.382.628	388.891.665
Chi phí viễn thông	37.404.884	58.524.455
<b>Cộng</b>	<b>426.787.512</b>	<b>447.416.120</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Phải trả người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tài chính Stoxplus	29.040.000	29.040.000
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	388.231.422	404.465.230
Công ty Quảng Cáo Thiên Phúc	4.290.000	4.290.000
Báo Đầu tư	4.950.000	-
<b>Cộng</b>	<b>426.511.422</b>	<b>437.795.230</b>

**18. Phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>	<i>1.000</i>	<i>82.900</i>
Phải trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	1.000	82.900
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.664.345.244</i>	<i>1.536.791.493</i>
Phải trả cổ tức	1.423.330.000	1.262.851.500
Phải trả khác	241.015.244	273.939.993
<b>Cộng</b>	<b>1.664.346.244</b>	<b>1.536.874.393</b>

**19. Phải trả Nhà đầu tư**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	48.301.526.448	57.195.918.068
- Nhà đầu tư trong nước	43.474.064.415	37.673.177.105
- Nhà đầu tư nước ngoài	4.827.462.033	19.522.740.963
<b>Cộng</b>	<b>48.301.526.448</b>	<b>57.195.918.068</b>

**20. Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	97.431.048	5.396.498.299
<b>Cộng</b>	<b>97.431.048</b>	<b>5.396.498.299</b>

(\*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

**21. Cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= 1 năm	17.252.430	16.100.000
Loại > hơn 1 năm (*)	16.747.570	-
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000</b>	<b>16.100.000</b>

(\*): Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 20/12/2016.

Mẫu số B09-CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**

**1. Thu nhập**

**1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2016	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm 2015
A	B	1	2	3=1x2	4	5=3-4	6
1	VGG	30.000	69.981	2.099.430.000	966.020.000	1.133.410.000	-
2	Các tài sản tài chính khác	260.895		6.415.069.800	6.317.334.192	97.735.608	806.054.325
	<b>Cộng</b>	<b>290.895</b>		<b>8.514.499.800</b>	<b>7.283.354.192</b>	<b>1.231.145.608</b>	<b>806.054.325</b>

**1.2 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	515.902.810	600.320.180
Từ các khoản cho vay	7.693.647.925	10.741.356.469
<b>Cộng</b>	<b>8.209.550.735</b>	<b>11.341.676.649</b>

**1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cho thuê tài sản	2.671.235.314	2.468.151.385
Thu nhập hoạt động khác	-	2.022.708.335
<b>Cộng</b>	<b>2.671.235.314</b>	<b>4.490.859.720</b>

**1.4 Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính**

Các loại hoạt động cung cấp	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí các dịch vụ khác	1.602.520.764	1.510.662.927
<b>Cộng</b>	<b>1.602.520.764</b>	<b>1.510.662.927</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.866.659.887	1.516.170.901
<b>Cộng</b>	<b>2.866.659.887</b>	<b>1.516.170.901</b>

**3. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.026.358.571	8.470.807.986
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	838.746.050	601.162.711
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	900.292.251	485.995.721
Chi dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(2.252.711)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.763.144.161</b>	<b>9.557.966.418</b>

**4. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.337.436.139	4.331.020.965
Chi phí vật tư văn phòng	59.200.641	52.606.828
Chi phí công cụ, dụng cụ	304.071.489	9.601.281
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.069.890.556	2.359.395.706
Chi phí thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	520.000.000	251.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.217.861.298	3.918.454.598
Chi phí khác	2.416.000.163	1.835.512.864
<b>Cộng</b>	<b>14.928.460.286</b>	<b>12.761.592.242</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản thu nhập khác	24.677.822	102.283.963
<b>Cộng</b>	<b>24.677.822</b>	<b>102.283.963</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.907.346	1.496.200.992
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành</b>	<b>70.907.346</b>	<b>1.496.200.992</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Và, Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Hồng



Đoàn Ngọc Hoàn